

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/KDTM - ST
Ngày: 10 – 5 – 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Anh

2. Bà Dương Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa:
Ông Lê Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST-KDTM ngày 08 tháng 12 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C; địa chỉ: Số A đường T, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thế M – Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Q và ông Nguyễn Trung T – Phó phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C chi nhánh Q (Theo văn bản ủy quyền số: 1113/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 20/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C “V/v ủy quyền thường xuyên tham gia tố tụng”); địa chỉ: Số E đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ông T có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH M3; địa chỉ: Số E đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: Bà Đoàn Thị Thu T1 – Chủ tịch Công ty

kiêm Giám đốc; địa chỉ cần báo của bà T1: Ông Đoàn Trường H - Số E đường số A, khu dân cư B, H, M, thành phố L, tỉnh An Giang. Bà T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Cao Phạm Tấn M1, sinh năm: 1992; địa chỉ: Số H đường T, phường A, Quận E, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cần báo của ông M1: Lô A1 A2 đường số 20, Đ, xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông M1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

N - Chi nhánh Q đã cho Công ty TNHH M3 vay vốn theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-HĐCVHM/NHCT470-MIKO ngày 20/01/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-VBSĐBS01/NHCT470-MIKO ngày 15/11/2021, cụ thể: Tổng số tiền cam kết cho vay: 38.000.000.000 đồng; phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng; thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 20/01/2021 đến hết ngày 19/01/2022; lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 9,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng, lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn thì bên vay phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thỏa thuận tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây dựng chuyên dùng, hoạt động thiết kế xây dựng, hoạt động tư vấn quản lý, mua bán vật liệu các loại; tổng số tiền đã giải ngân: 38.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ 01 ngày 25/01/2021; Giấy nhận nợ 02 ngày 26/01/2021. Tổng số tiền gốc đã trả tính đến ngày 14/02/2023 là: 300.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Cao phạm Tấn M2 đã thế chấp các tài sản sau:

- Tài sản 01: Ông Cao Phạm Tấn M1 đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 3017985115-194ANGIANG/2020/HĐBĐ/NHCT470 ngày 17/01/2020. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT873362, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 14955 do Sở T2 cấp ngày 15 tháng 01 năm 2020 mang tên Cao Phạm Tấn M1. Thông tin cụ thể về tài sản: Số thửa 194, tờ bản đồ số 26; địa chỉ: Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; diện tích 600m²; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: Lâu dài; hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất, được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Giá trị tài sản được định giá gần nhất ngày 16/01/2021: 23.100.000.000 đồng.

- Tài sản 02: Ông Cao Phạm Tấn M1 đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 3017985115-191ANGIANG/2020/HĐBĐ/NHCT470 ngày 17/01/2020 với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT873356,

sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 14949 do Sở T2 cấp ngày 15 tháng 01 năm 2020 mang tên Cao Phạm Tấn M1. Thông tin cụ thể về tài sản: Số thửa 191, tờ bản đồ số 26; địa chỉ: Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; diện tích 509,3 m²; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: Lâu dài; hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất, được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Giá trị tài sản được định giá gần nhất ngày 16/01/2021: 28.011.500.000 đồng. Tổng giá trị hai tài sản trên được định giá là: 51.111.500.000 đồng.

Kể từ ngày 25/11/2021, Công ty TNHH M4 bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay nêu trên, toàn bộ khoản nợ trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù N đã nhiều lần làm việc với Công ty TNHH M4 để yêu cầu trả nợ nhưng Công ty M3 vẫn không thực hiện được. Việc Công ty TNHH M4 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của N.

Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại các Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-HĐCVHM/NHCT470-MIKO ngày 20/01/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-VBSĐBS01/NHCT470-MIKO ngày 15/11/2021. Với tổng dư nợ của các Hợp đồng tín dụng trên đến ngày 10/5/2023 là 43.654.772.206 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 37.700.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.981.662.686 đồng; nợ lãi quá hạn: 883.109.520 đồng). Buộc Công ty TNHH M3 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền trên; ngoài ra còn phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh theo các Hợp đồng cho vay nêu trên sau ngày 10/5/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; P và lệ phí liên quan (nếu có).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực mà Công ty TNHH M4 không thực hiện trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên cho N thì N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại xử lý tài sản thế chấp theo 02 Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản số 3017985115-191ANGIANG/2020/HĐBĐ/NHCT470 ký ngày 17/01/2020 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 3017985115-194ANGIANG/2020/HĐBĐ/NHCT470 ký ngày 17/01/2020 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp sau khi xử lý hết các tài sản bảo đảm nêu trên mà vẫn không thu đủ nợ cho Ngân hàng thì Công ty TNHH M4 vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ và Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH M3 để thu hồi toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của bị đơn Công ty TNHH M3 tại bản tự khai ngày 14/02/2023 trình bày: Bà Đoàn Thị Thu T1 – Giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH M3 thừa nhận có vay tại Ngân hàng TMCP C chi nhánh Q các Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-HĐCVHM/NHCT470-MIKO ngày 20/01/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-VBSĐBS01/NHCT470-MIKO ngày 15/11/2021, cụ thể: Tổng số tiền cam kết cho vay: 38.000.000.000 đồng; phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng; thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 20/01/2021 đến hết ngày 19/01/2022; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây dựng chuyên

dùng, hoạt động thiết kế xây dựng, hoạt động tư vấn quản lý, mua bán vật liệu các loại; tổng số tiền đã giải ngân: 38.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ 01 ngày 25/01/2021; Giấy nhận nợ 02 ngày 26/01/2021. Tổng số tiền đã trả (tính đến ngày 16/11/2022): 300.000.000 đồng. Thừa nhận còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 14/02/2023 tổng số tiền 42.294.075.665 đồng (trong đó tiền gốc: 37.700.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.147.614.741 đồng; nợ lãi quá hạn: 446.460.924 đồng). Vì điều kiện làm ăn khó khăn nên công ty chưa có điều kiện trả nợ. Về tài sản thế chấp đại diện của Công ty cũng thừa nhận để đảm bảo cho khoản vay đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của ông Cao Phạm Tấn M1 tại các thế chấp gồm: Hợp đồng thế chấp tài sản số 3017985115-191ANGIANG/2020/HĐBĐ/NHCT470 ký ngày 17/01/2020 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 3017985115-194ANGIANG/2020/HĐBĐ/NHCT470 ký ngày 17/01/2020.

Ngày 10/3/2023 đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH M3 đã gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo qui định của pháp luật vì lý do sức khỏe, đi lại phương tiện giao thông khó khăn.

* Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Cao Phạm Tấn M1 tại văn bản trình bày ngày 29/3/2023: Công ty TNHH M3 có vay vốn tại Ngân Hàng TMCP C – CN Quảng Bình V) theo hợp đồng cho vay số 804004368336/2021-HĐCVHM/NHCT470-MIKO ngày 20 tháng 01 năm 2021 Mục đích: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Thời hạn vay: 12 tháng. Hạn mức: 38.000.000.000 đồng. Hiện nay dư nợ gốc và lãi mà Công ty M3 còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 16/11/2022 theo như khởi kiện Ngân hàng tổng số tiền là 41.003.754.464 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay này cho công ty, ông M1 có sử dụng các tài sản của cá nhân là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT873362, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 14955 do Sở T2 cấp ngày 15 tháng 01 năm 2000 mang tên Cao Phạm Tấn Minh theo hợp đồng thế chấp số 3017985115-194ANGIANG/2020/HĐBĐ/NHCT470 ký ngày 17/01/2020 và toàn bộ Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT873356, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 14949 do Sở T2 cấp ngày 15 tháng 01 năm 2000 mang tên Cao Phạm Tấn Minh theo hợp đồng thế chấp số 3017985115-191ANGIANG/2020 /HĐBĐ/NHCT470 ký ngày 17/01/2020.

Hiện nay do Công ty không trả nợ đúng hạn, nên Ngân hàng khởi kiện ra Tòa yêu cầu trả nợ. Ông M1 đồng ý để Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý các tài sản thế chấp nói trên. Cá nhân ông cũng đã có văn bản ủy quyền cho Ngân hàng được toàn quyền xử lý phát mại các tài sản nói trên trong trường hợp Công ty TNHH M3 không trả nợ cho Ngân hàng để thu hồi nợ cho phía ngân hàng. Ông M1 xin trình bày thêm, do điều kiện ở xa nên tôi không trực tiếp tham gia việc giải quyết vụ án được tại các buổi hòa giải cũng như phiên tòa, nên ông xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, xét xử tại các phiên tòa của Tòa án.

Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành: Tại các phiên hòa giải ngày 05/01/2023; ngày 14/02/2023 và ngày 06/3/2023 do vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nên Tòa án đã lập biên hòa hoãn phiên hòa giải; biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

- Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt, và vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH M3 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-HĐCVHM/NHCT470-MIKO ngày 20/01/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-VBSĐBS01/NHCT470-MIKO ngày 15/11/2021, tính đến ngày 10/5/2023 là 43.654.772.206 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 37.700.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.981.662.686 đồng; nợ lãi quá hạn: 883.109.520 đồng).

Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại xử lý tài sản thế chấp theo 02 Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản số 3017985115-191ANGIANG/2020/HĐBĐ/NHCT470 ký ngày 17/01/2020 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 3017985115-194ANGIANG/2020/HĐBĐ/NHCT470 ký ngày 17/01/2020 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị tòa án tuyên nghĩa vụ án phí của bị đơn tương ứng với số tiền nợ phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết và cũng là nơi đăng ký địa chỉ trụ sở của Công ty TNHH M3 tại: Số E đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: Bà Đoàn Thị Thu

T1 – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2]. Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH M3 trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng cho vay số 804004368336/2021-HĐCVHM/NHCT470-MIKO ngày 20 tháng 01 năm 2021 nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh theo qui định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS.

[1.3]. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH M3 – đại diện theo pháp luật: Bà Đoàn Thị Thu T1, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Phạm Tân M1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-HĐCVHM/NHCT470-MIKO ngày 20/01/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-VBSĐBS01/NHCT470-MIKO ngày 15/11/2021, cụ thể: Tổng số tiền cam kết cho vay: 38.000.000.000 đồng; phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng; thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 20/01/2021 đến hết ngày 19/01/2022; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây dựng chuyên dùng, hoạt động thiết kế xây dựng, hoạt động tư vấn quản lý, mua bán vật liệu các loại; tổng số tiền đã giải ngân: 38.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ 01 ngày 25/01/2021; Giấy nhận nợ 02 ngày 26/01/2021. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 14/02/2023 Công ty TNHH M3 đã trả cho Ngân hàng 300.000.000 đồng tiền gốc. Sau đó đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu Công ty thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến nay, Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng. Tại bản khai đại diện theo pháp luật của bị đơn cũng thừa nhận việc vay nợ tại Ngân hàng, vì điều kiện làm ăn khó khăn nên chưa trả được nợ cho Ngân hàng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi còn nợ. Như vậy, số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 10/5/2023 là 43.654.772.206 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 37.700.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.981.662.686 đồng; nợ lãi quá hạn: 883.109.520 đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 11/5/2023 cho đến khi bị đơn trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-HĐCVHM/NHCT470-MIKO ngày 20/01/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-VBSĐBS01/NHCT470-MIKO ngày 15/11/2021.

[2.3] Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ trụ sở hoạt động và tình trạng đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH M3 do bà Đoàn Thị Thu T1 làm Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty. Kết quả xác minh như sau: Xác nhận tại Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Q thì Công ty TNHH M3 có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp C1, đăng ký lần đầu ngày 15/01/2020; hiện đang có trụ sở chính tại: Số E đường L, phường H (nay là phường Đ), thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Đoàn Thị Thu T1 – sinh ngày 01/02/1973, chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc. Tình trạng doanh nghiệp tại Hệ thống Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: Đang hoạt động. Do đó, có đủ căn cứ xác định đến thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bị đơn chưa chia tách, sáp nhập hay giải thể doanh nghiệp.

Từ các mục [2.1]; [2.2]; [2.3] có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ theo hợp đồng đã thỏa thuận ký kết với tổng số tiền còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 10/5/2023 là 43.654.772.206 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 37.700.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.981.662.686 đồng; nợ lãi quá hạn: 883.109.520 đồng).

[3] Về việc xử lý tài sản bảo đảm:

[3.1] Xét, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba, giữa Ngân hàng TMCP C và chủ tài sản thế chấp ông Cao Phạm Tấn M1 đã được ký kết đúng thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch đảm bảo là đúng quy định theo điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai; Điều 298, Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, ông Cao Phạm Tấn M1 đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH M3, bao gồm:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 3017985115-194ANGIANG/2020/HĐBĐ/NHCT470 ngày 17/01/2020. Tài sản thế chấp là diện tích đất 600m², thuộc thửa đất số 194, tờ bản đồ số 26; địa chỉ: Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT873362, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 14955 do Sở T2 cấp ngày 15 tháng 01 năm 2020 mang tên Cao Phạm Tấn M1.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 3017985115-191ANGIANG/2020/HĐBĐ/NHCT470 ngày 17/01/2020. Tài sản thế chấp là diện tích đất 509,3 m², thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 26; địa chỉ: Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số CT873356, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 14949 do Sở T2 cấp ngày 15 tháng 01 năm 2020 mang tên Cao Phạm Tấn M1.

[3.2] Theo đơn xin xác nhận tình trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Ngân hàng TMCP C được UBND phường M, thành phố L, tỉnh An Giang xác nhận ngày 05/12/2022 thì thửa đất số 194, tờ bản đồ số 26 có địa chỉ tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang UBND phường chưa nhận đơn tranh chấp đối với thửa đất trên.

[3.3] Theo đơn xin xác nhận tình trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Ngân hàng TMCP C được UBND phường M, thành phố L, tỉnh An Giang xác nhận ngày 05/12/2022 thì thửa đất số 191, tờ bản đồ số 26 có địa chỉ tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang UBND phường chưa nhận đơn tranh chấp đối với thửa đất trên.

Tại khoản 1.02 Điều 1 của các Hợp đồng thế chấp thể hiện “Nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn (bao gồm: gốc, lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác) của bên được bảo đảm đối với bên nhận thế chấp phát sinh từ tất cả các hợp đồng cho vay (hợp đồng tín dụng)”. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Phạm Tấn M1 cũng nhất trí việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay và đã có ủy quyền cho Ngân hàng. Vì vậy, nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH M3 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.000.000 đồng cộng 0,1 % của phần giá trị tranh chấp vượt quá 4.000.000.000 đồng là: $43.564.772.206 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng} = 39.564.772.206 \text{ đồng} \times 0,1\% = 39.564.206 \text{ đồng} + 112.000.000 \text{ đồng} = 151.564.206 \text{ đồng}$ để sung quỹ nhà nước.

Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí 74.502.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001736 ngày 08/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010); Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C đối với bị đơn Công ty TNHH M3 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc Công ty TNHH M3 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-HĐCVHM/NHCT470-MIKO ngày 20/01/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-VBSĐBS01/NHCT470-MIKO ngày 15/11/2021, tính đến ngày 10/5/2023 là 43.654.772.206 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 37.700.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.981.662.686 đồng; nợ lãi quá hạn: 883.109.520 đồng).

1.2. Từ ngày 11/5/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc, hàng tháng Công ty TNHH M3 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-HĐCVHM/NHCT470-MIKO ngày 20/01/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 804004368336/2021-VBSĐBS01/NHCT470-MIKO ngày 15/11/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C và Công ty TNHH M3 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Trường hợp Công ty TNHH M3 không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 600m², thuộc thửa đất số 194, tờ bản đồ số 26; địa chỉ: Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT873362, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 14955 do Sở T2 cấp ngày 15 tháng 01 năm 2020 mang tên Cao Phạm Tấn Minh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 3017985115-194ANGIANG/2020/HĐBĐ/NHCT470 ngày 17/01/2020.

- Quyền sử dụng đất diện tích 509,3 m², thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 26; địa chỉ: Phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT873356, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 14949 do Sở T2 cấp ngày 15 tháng 01 năm 2020 mang tên Cao Phạm Tấn Minh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 3017985115-191ANGIANG/2020/HĐBĐ/NHCT470 ngày 17/01/2020.

Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH M3 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Bị đơn Công ty TNHH M3 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là: 151.564.206 đồng.

3.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí 74.502.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001736 ngày 08/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

5. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/5/2023). Đối với bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Lan Anh Dương Thị Hồng L

Nguyễn Thị Tuyết Minh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TOÀ**

(Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN

Nguyễn Thị Vòng Dương Thị Hồng L1

Nguyễn Thị Tuyết Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

